TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LỘC NINH
TỈNH BÌNH PHƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 26/2021/DS-ST
Ngày : 21/9/2021
V/v "Tranh chấp quyền sử dụng đất"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỘC NINH – TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Văn Thi
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Thành Vui
2. Bà Trần Xuân Đạm

- *Thư ký phiên tòa*: Ông Nguyễn Bá Anh Hùng – Thư ký Tòa án
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Ninh tham gia phiên tòa:* Ông Cao Thanh Nam - Kiểm sát viên.

Ngày 21/9/2021 Toà án nhân dân huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 128/2019/DSST ngày 01 tháng 7 năm 2019. về việc *"Tranh chấp quyền sử dụng đất"* Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số : 31/2021/QĐXX-ST ngày 07 tháng 7 năm 2021 và thông báo mở lại phiên toà số 72/2021/TB - TA ngày 07 tháng 9 năm 2021 và quyết định hoãn phiên tòa số 35/2021 ngày 11/9/2021giữa các đương sự:

Nguyên đơn : Bà **Lâm Thị T**, sinh năm 1965 (có mặt)
Địa chỉ : Số 01, tổ 1, Ấp Bù Núi A, xã Lộc Tấn, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước .

Bị đơn : Bà : **Phan Thị M**, sinh năm 1967 (vắng mặt)
Trú tại : số 90, Tổ 5, Ấp Cây Chặt, xã Lộc Tấn, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước .

Người có quyền lợi, nghĩa vu liên quan:
1. Ông Phan Văn T, sinh năm 1963 (có mặt)
2. Bà Phan Thị Kiều T, sinh năm 1988 (có đơn xin vắng mặt)
3. Ông Hoàng Văn Trung K, sinh năm 1980 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ : Số 01, tổ 1, Ấp Bù Núi A, xã Lộc Tấn, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước .

4. Bà Đào Thị P, sinh năm 1961(có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ : Khu Phố Ninh Phước – TT . Lộc Ninh, huyện Lộc Ninhy, tỉnh Bình phước

5. UBND huyện Lộc Ninh, người được ủy quyền ông Lê T – Phó phòng tài nguyên môi trường huyện Lộc Ninh (có đơn xin vắng mặt). Văn bản ủy quyền số 07 ngày 21/02/2020.

Địa chỉ : Thị trấn Lộc Ninh, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình phước

6.UBND xã Lộc tấn (vắng mặt)

Địa chỉ : Xã Lộc tấn, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình phước

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 14/6/2017, đơn sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện đề ngày 21/7/2017 và đơn sửa đổi đơn khởi kiện và rút một phần yêu cầu khởi kiện đề ngày 05/7/2018, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Lâm Thị T trình bày:

Vợ chồng bà Lâm Thị T và ông Phan Văn T đã được Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Bình Phước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS 00169 ngày 15/8/2016 đối với thửa đất số 53, diện tích 4.470,5m^2, tọa lạc ấp Bù Núi A, xã Lộc Tấn, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước. Nguồn gốc đất là do bà và ông Phan Văn T mua phát mãi tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lộc Ninh vào năm 2007 của chủ đất là ông Hồ Văn Giác. Năm 2014 bà Phan Thị M tự ý lấn chiếm một phần diện tích đất trong thửa đất trên để trồng tiêu. Vì vậy bà khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh buộc bà Phan Thị M trả lại cho bà phần đất bị lấn chiếm diện tích khoảng 500 m^2 đất tọa lạc ấp Bù Núi A, xã Lộc Tấn, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước.

Trước khi bà M trồng cây tiêu trên phần đất trên đã được bà ngăn cản nhưng bà M vẫn trồng, hiện nay toàn bộ số cây hồ tiều, cấy chuối đã chết hết, chỉ còn 03 cây sưa, bà đồng ý hỗ trợ trị giá một cây sưa là 100.000 đồng như văn bản giữa bà và bà M thỏa thuận. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bà T rút yêu cầu khởi kiện về việc buộc bà Phan Thị M phải bồi thường thiệt hại số tiền 30.000.000 đồng.

Bị đơn bà Phan Thị M trình bày:

Thửa đất mà bà Lâm Thị T khởi kiện yêu cầu bà trả lại diện tích phần đất bà lấn chiếm là do bà mua dưới hình thức tài sản phát mãi của chủ đất là ông Đỗ Quốc Việt. Sau khi mua, bà bán một phần đất cho ông Tiến và một phần đất cho ông Hoàng Văn Trung K. Do đó, đến ngày 31/7/2014 bà được cấp giấy chứng nhận số CH 01785 mang tên bà. Việc Ủy ban nhân dân huyện Lộc Ninh cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 01785 ngày 31/7/2014 mang tên bà là đúng pháp luật. Phần đất mà bà T cho rằng bà lấn chiếm là vị trí đất có hình mũi dùi như trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 01785 ngày 31/7/2014. Nay bà Lâm Thị T khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh buộc bà trả lại phần đất diện tích 500m^2 tọa lạc tại ấp ấp Bù Núi A, xã Lộc Tấn, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước, thì bà không đồng ý vì phần đất mà bà T cho rằng bà lấn chiếm là của bà, nằm trong thửa đất số 163, đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 01785 mang tên bà nên bà. Khi bà trồng cây tiêu trên phần đất trên thì bà M có nói là đất của bà M và bà T có ngăn cản không cho bà trồng, nhưng bà M xác định đó là phần đất của bà thuộc thửa đất số 163 nên bà vẫn trồng.

Cán bộ Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Lộc Ninh phân tích về sơ đồ kết quả đo đạc, vị trí phần đất bà M sử dụng thực tế so với vị trí đất được cấp theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 01785 ngày 31/7/2014 mang tên bà Phan Thị M thì

bà M có ý kiến như sau "*Nếu bà sử dụng đất sai vị trí, không thuộc đất của bà thì bà trả lại cho Nhà nước, bà không đồng ý trả lại cho bà Lâm Thị T vì phần đất diện tích 388,6m^2 có vị trí, hình thể như sơ đồ đo đạc ngày 18/8/2021 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Lộc Ninh xác lập cũng không phải là của bà T"*.

Trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – bà Phan Thị Kiều Thi trình bày:

Bà Phan Thị Kiều Thi thống nhất với lời trình bày trên của bà T. Bà xác định nguồn gốc phần đất tranh chấp mà bà T khởi kiện yêu cầu bà M trả lại là của bố mẹ bà (ông T và bà T), bà không có công sức đóng góp và tạo lập tài sản gì trên đất. Bà không có yêu cầu gì trong vụ án, bà đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 31/10/2017 và tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – ông Phan Văn T trình bày:

Thửa đất mà vợ ông, bà Lâm Thị T khởi kiện yêu cầu bà M phải trả lại là do vợ chồng ông mua phát mãi tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lộc Ninh vào năm 2007 của chủ đất là ông Hồ Văn Giác. Đây là tài sản riêng của vợ chồng ông mua được. Phần đất trên nằm trong thửa đất số 53, diện tích 4.470,5m^2 đã được Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Bình Phước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS 00169 ngày 15/8/2016 mang tên vợ chồng ông, năm 2016 mới được cấp giấy chứng nhận là do vợ chồng ông chưa thanh toán tiền xong. Toàn bộ thửa đất trên vợ chồng ông sử dụng ổn định từ năm 2007 cho đến năm 2014 thì bị bà M lấn chiếm khoảng 500m^2, tại phiên tòa ông thống nhất như yêu cầu khởi kiện của vợ ông bà Lâm Thị T, ngoài ra ông Không có ý kiến gì, Ông T thống nhất với phần đất diện tích 388,6m^2 có vị trí, hình thể như sơ đồ đo đạc ngày 18/8/2021 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Lộc Ninh xác lập.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Đào Thị P trình bày:

Tại biên bản lấy lời khai ngày 24/6/2021 bà P cho biết bà sang nhượng thửa đất của bà M từ năm 2019, đến năm 2020 thì được cấp giấy chứng nhận QSDĐ đứng tên bà, hiện nay thửa đất bà mua diện tích bao nhiêu thì bà sử dụng bấy nhiêu, không có lấn sang đất của ai hết, còn chuyện tranh chấp đất giữa bà T và bà M bà không có liên quan gì.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Hoàng Văn Trung K trình bày. Ông Hoàng văn Trung K đã mua đất của bà Phan thị M hiện nay đã được cấp giấy chứng nhận QSDĐ, hiện nay bà T khởi kiện việc bà M lấn đất ông không có ý kiến.

- UBND huyện Lộc Ninh không có ý kiến .

- UBND xã Lộc tấn có ý kiến : Việc UBND xã Lộc tấn làm thủ tục xác nhận trên hợp đồng mua bán giữa vợ chồng ông Hồ Văn Giác và vợ chồng bà Lâm Thị T là đúng trình tự thủ tục, không có ý kiến gì việc tranh chấp đất giữa bà T và bà M.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:

** Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:*

+ Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa kể từ ngày thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa chấp hành đúng theo quy định của bộ luật tố tụng .

* *Về nội dung giải quyết vụ án:* Đại diện Viện kiểm sát đưa ra quan điểm về việc giải quyết vụ án :

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lâm Thị T .

Buộc bà Phan Thị M phải trả lại diện tích 388,6m^2 thuộc thửa đất số 53 đã được Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Bình Phước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS 00169 ngày 15/8/2016 mang tên bà Lâm Thị T, ông Phan Văn T, bà Phan Thị M có trách nhiệm di dời 11 nọc tiêu bằng gổ, bà Lâm thị T đồng ý hỗ trợ cho bà M ba cây sưa trị giá 100.000đồng/1 cây, tổng cộng 300.000đồng.

Đối với yêu cầu bồi thường của bà T tại phiên tòa bà rút yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên Tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên Tòa và ý kiến của Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn bà Lâm Thị T khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh yêu cầu bà Phan Thị M trả lại phần diện tích đất mà bà T cho rằng bị lấn chiếm. Vì vậy, xác định tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp quyền sử dụng đất theo quy định tại khoản 9 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Phần đất tranh chấp tọa lạc xã Lộc Tấn, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh theo quy định tại Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tống đạt: Tòa án đã tống đạt hợp lệ các thủ tục tố tụng cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhận đấy đủ và có đơn xin giải quyết vắng mặt, bị đơn được tống đạt hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Về nội dung:

[1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – bà Lâm Thị T:

[1.1] Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa: Bà Phan Thị M đều thừa nhận Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 01785 do Ủy ban nhân dân huyện Lộc Ninh cấp ngày 31/7/2014 mang tên bà Phan Thị M được cấp đúng trình tự, thủ tục, đúng diện tích, vị trí và hình thể thửa đất. Bà Lâm Thị T đều thừa nhận giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS 00169 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Bình Phước cấp ngày 15/8/2016 mang tên bà Lâm Thị T, ông Phan Văn T được cấp đúng trình tự, thủ tục, đúng diện tích, vị trí và hình thể thửa đất.

Về số đo, vị trí, diện tích và hình thể phần đất tranh chấp, các bên đương sự thống nhất như sơ đồ đo đạc ngày 18/8/2021 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Lộc Ninh. Về giá trị phần đất tranh chấp và tài sản trên phần đất tranh chấp, các bên đương sự thống nhất như biên bản thỏa thuận định giá tài sản ngày 27/5/2020 và không yêu cầu định giá lại.

Theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự thì: *"Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của Cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh".* Do đó, về nội dung và trình tự thủ tục cấp 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên bà Phan Thị M và mang tên bà Lâm Thị T, ông Phan Văn T, về diện tích, vị trí, hình thể phần đất tranh chấp cũng như giá trị phần đất tranh chấp và tài sản trên phần đất tranh chấp trong vụ án không cần phải chứng minh thêm.

[1.2] Căn cứ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS 00169 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Bình Phước cấp ngày 15/8/2016 mang tên bà Lâm Thị T, ông Phan Văn T. Căn cứ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 01785 do Ủy ban nhân dân huyện Lộc Ninh cấp ngày 31/7/2014 mang tên bà Phan Thị M

Căn cứ biên bản xem xét thẩm, định tại chỗ và sơ đồ đo đạc ngày 18/8/2021 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Lộc Ninh, xác định: Phần đất tranh chấp có diện tích 388,6m^2 thuộc thửa đất số 53 đã được Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Bình Phước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS 00169 ngày 15/8/2016 mang tên bà Lâm Thị T, ông Phan Văn T.

Sau khi đo đạc lại toàn bộ thửa đất số 163 do Ủy ban nhân dân huyện Lộc Ninh cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 01785 ngày 31/7/2014 mang tên bà Phan Thị M và thửa đất số 164 do Ủy ban nhân dân huyện Lộc Ninh cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 01784 ngày 31/7/2014 mang tên ông Hoàng Văn Trung K theo giấy chứng quyền sử dụng đất thì phần diện tích thực tế và vị trí đất mà bà M, ông K đang sử dụng không đúng như thửa đất số 163 của bà M và thửa đất số 164 của ông K đã được cấp giấy chứng nhận, cụ thể: Phần đất hình mũi dùi thuộc thửa đất số 163 theo giấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 01785 ngày 31/7/2014 mang tên bà Phan Thị M có diện tích 152,9m^2 hiện do ông K đang quản lý, sử dụng, còn bà M thì đang sử dụng phần diện tích đất 631m^2 thuộc thửa đất số 164 của ông K, do hai thửa đất không sử dụng đúng vị trí nên ông K và bà M liên hệ cấp có thẩm quyền để điều chỉnh lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên theo đúng vị trí .

Từ những phân tích trên, có đủ cơ sở xác định: Thửa đất số 163 do Ủy ban nhân dân huyện Lộc Ninh cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 01785 ngày 31/7/2014 mang tên bà Phan Thị M và thửa đất số 53 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Bình Phước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS 00169 ngày 15/8/2016 mang tên bà Lâm Thị T, ông Phan Văn T đều có một phần đất có hình thể mũi dùi, tuy nhiên bà M lại sử dụng phần đất hình thể mũi dùi diện tích 388,6m^2 thuộc thửa đất số 53 của bà T, ông T.

Vì vậy đối với yêu cầu khởi kiện của bà Lâm Thị T được chấp nhận, buộc bà Phan Thị M trả lại cho bà T, ông T phần đất diện tích 388,6m^2 đất tọa lạc ấp Bù Núi A,

xã Lộc Tấn, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước, phần đất thuộc thửa đất số 53 đã được Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Bình Phước cấp giấy chứng nhận số CS 00169 ngày 15/8/2016 mang tên ông T, bà T, phần đất diện tích 388,6m^2 có số liệu, vị trí, hình thể như sơ đồ đo đạc ngày 18/8/2021 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Lộc Ninh xác lập.

[1.3] Đối với các cây trồng trên phần đất diện tích 388,6m^2 như cây hồ tiêu, cây chuối hiện nay đã chết, chỉ còn lại 11 nọc tiêu và 03 cây sưa, tại biên bản hòa giải ngày 07/6/2021 bà M khẳng định nếu thửa đất này của bà T thì bà nhổ nọc tiêu về trả đất cho vợ chồng bà T.

Căn cứ vào biên bản thỏa thuận định giá ngày 27/5/2020 giữa bà T và bà M thỏa thuận trị giá 01 cây sưa giá 100.000 đồng, ngoài ra các đương sự thống nhất không định giá lại.

Tại phiên tòa bà T tự nguyện hỗ trợ bồi thường 03 cây sưa theo giá trị thỏa thuận giá, trị giá 01 cây sưa giá 100.000 đồng, như vậy 03 cây sưa là 300.000 đồng Hội đồng xét xử ghi nhận.

[1.4] Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn đã rút yêu cầu về việc yêu cầu bà Phan Thị M bồi thường số tiền 30.000.000 đồng. Xét thấy, việc rút yêu cầu là hoàn toàn tự nguyện. Căn cứ 244 Bộ luật tố tụng dân sự, cần đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của nguyên đơn.

[2] Về chi phí tố tụng: Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 4.000.000 đồng. Do yêu cầu của bà T được chấp nhận; Vì vậy, cần buộc bà Phan Thị M hoàn trả cho bà Lâm Thị T 4.000.000 đồng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức T, miễn, giảm, T, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bị đơn chịu án phí dân sự sơ thẩm trong trường hợp yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận. Nên bị đơn bà Phan Thị M chịu số tiền án phí là 300.000 đồng. Nguyên đơn phải chịu số tiền án phí 300.000 đồng về việc bồi thường theo luật định.

Đối với số tiền tạm ứng án phí 1.050.000 đồng mà bà T đã nộp, cần trả lại cho bà T.

[4] Xét đề nghị của Đại diện viện kiểm sát: Phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 165, khoản 1 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 244, Điều 271va2 khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 192, Điều 256, Điều 265 Bộ luật dân sự năm 2005

Điều 160, Điều 163, Điều 164, Điều 166, Điều 175, Điều 189 Bộ luật dân sự 2015.

Điều 1, Điều 3, Điều 4, Điều 6, Điều 13, Điều 73 và Điều 79 Luật đất đai năm 1993 .

Điều 3, Điều 4, Điều 5, Điều 6 , Điều 7, Điều 9, Điều 15, Điều 31, Điều 34, 36, Điều 37, Điều 83, Điều 105, Điều 107, Điều 113, Điều 135, Điều 136 Luật đất đai năm 2003.

Điều 4, Điều 5, điều 6, Điều 7, Điều 12, Điều 15, Điều 17, Điều 22, Điều 97, Điều 98, Điều 99, Điều 100, Điều 125, Điều 126, Điều 128, Điều 129, Điều 130, Điều 131, Điều 202 và Điều 203 Luật đất đai năm 2013.

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức T, miễn, giảm, T, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lâm Thị T.

- Buộc bà Phan Thị M trả lại cho bà Lâm Thị T, ông Phan Văn T phần đất diện tích 388,6m^2 đất tọa lạc ấp Bù Núi A, xã Lộc Tấn, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước, phần đất diện tích 388,6m^2 (trong diện tích đất trên có 03 cây sưa) thuộc thửa đất số 53, đã được Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Bình Phước cấp giấy chứng nhận số CS 00169 ngày 15/8/2016 mang tên ông Phan Văn T, bà Lâm Thị T.

- Buộc bà M di chuyển 11 nọc tiêu trên phần đất diện tích 388,6m^2 tọa lạc ấp Bù Núi A, xã Lộc Tấn, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước, vị trí, hình thể như sơ đồ đo đạc ngày 18/8/2021 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Lộc Ninh xác lập.

Bà Lâm Thị T bồi thường cho Phan Thị M 03 cây sưa trị giá 300.000đồng.

2/ Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của nguyên đơn bà Lâm Thị T về việc buộc bà Phan Thị M bồi thường số tiền 30.000.000 đồng.

3/ Về chi phí tố tụng: Buộc bà Phan Thị M hoàn trả cho bà Lâm Thị T 4.000.000 đồng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản.

4/ Về án phí : Bà Phan Thị M phải chịu 300.000 đồng án phí DSST. Bà Lâm Thị T phải chịu tiền 300.000đồng án phí có giá ngạch được khấu trừ vào số tiền bà đã nộp tạm ứng án phí, sau khi khấu trừ Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lộc Ninh trả lại cho bà T số tiền 750.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0014860 ngày 02/10/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lộc Ninh.

5/ Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị

cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6/ Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận :
-TAND tỉnh Bình Phước ;
- VKSND huyện Lộc Ninh;
- CC.THADS huyện Lộc Ninh;
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Văn Thi